

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TP. HÀ NỘI
--- *&* ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- **&** -----

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 04.3.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP. HÀ NỘI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chủ Phương Ngọc**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đào Xuân Bồn**.
2. Ông **Nguyễn Đăng Hải**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, TP. Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04.3.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S - TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 18.02.2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th (tức **Nguyễn Đức Th**), sinh năm 1985, tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Th, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế C (chết) và bà Trần Thị D; Vợ là Đỗ Thị T và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011 cai nghiện ma túy xong tại Trung tâm chữa bệnh GDLĐXH huyện P theo Quyết định 1511 ngày 28.02.2011 của UBND huyện P. Năm 2014 chấp hành cai nghiện ma túy xong tại Trung tâm chữa bệnh GDLĐXH huyện P theo Quyết định số 15.224 ngày 20.12.2013 của UBND huyện P; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không.

Có mặt.

- Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện S, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 31.10.2018, Nguyễn Văn Th điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Luvias BKS 99E1-112.06 đi đến địa phận thôn 5, xã H, huyện S, TP.Hà Nội thì rẽ vào quán bia của gia đình chị Nguyễn Thị Ng để ngồi uống nước. Khi vào trong quán Th thấy không có ai trông coi, Th phát hiện 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 đang cắm sạc pin để trên bàn cạnh cửa sổ quán nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Th đi đến vị trí để điện thoại rút dây sạc rồi đút điện thoại vào túi quần, Th ra ngoài ngồi lên xe máy chưa kịp nổ máy thì ngay lúc đó chị Ng đứng ở phòng trong thấy Th lấy trộm điện thoại liền chạy đuổi theo giữ Th lại yêu cầu trả điện thoại, Th lấy điện thoại ra trả chị Ng và xin chị Ng tha thứ nhưng chị Ng không đồng ý, chị Ng báo gọi Cơ quan Công an đến đưa Th về trụ sở giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 268 ngày 29.11.2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 128GB trị giá 2.250.000đ, 01 chiếc ốp nhựa điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 đã cũ trị giá 60.000đ. Như vậy tổng trị giá tài sản chị Ng bị chiếm đoạt là 2.310.000đ.

Về dân sự: Chị Ng đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Luvias BKS 99E1-112.06, quá trình điều tra xác định xe máy của chị Đỗ Thị T là vợ bị cáo Th, khi Th sử dụng xe máy đi trộm cắp tài sản chị T không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy trên cho chị T.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 21.01.2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Nguyễn Văn Th phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát huyện S sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm i-s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn Th từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về dân sự: Không đặt ra giải quyết do chị Ng không có yêu cầu gì.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Điều tra viên Công an huyện S đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét

xử các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 13 giờ ngày 31.10.2018, tại cửa hàng bán bia của gia đình chị Nguyễn Thị Ng ở thôn 5, xã H, huyện S, TP.Hà Nội, Nguyễn Văn Th đã có hành vi lợi dụng sơ hở lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 128GB có ốp lưng của chị Ng tổng trị giá 2.310.000đ, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều khoản này quy định hình cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ theo Khoản 5 Điều 173 - BLHS.

[3] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản trả lại ngay cho người bị hại, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, trị giá tài sản không lớn, bị cáo phạm mang tính chất cơ hội. Bản thân bị cáo đã từng đi cai nghiện 02 lần vào năm 2011 và 2014 nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Căn cứ vào quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì xác định bị cáo thuộc trường hợp có đủ điều kiện để hưởng án treo nên đề nghị áp dụng mức hình phạt tù của đại diện Viện kiểm sát phù hợp được ghi nhận nhưng áp dụng hình phạt tù không cho hưởng án treo là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Chị Ng đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h-i-s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: **Nguyễn Văn Th** (Nguyễn Đức Th) **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn thử thách là **12** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th (Nguyễn Đức Th) cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S (để thi hành);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Chữ Phương Ngọc

